

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-PT

Ngày: 24/3/2021

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng N

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước T

Ông Bùi Văn P

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị N, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Q -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS - ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2021/QĐ – PT ngày 18/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 93 ngày 05/3/2021 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1972;

HKTT: Số nhà 342/12, Khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Số nhà 156, ĐTT, ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh T, sinh năm 1970; trú tại: Số nhà 273, khóm S, phường Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2019 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1974; Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08 tháng 5 năm 2017).

Địa chỉ trụ sở: Số nhà 321C, Khóm H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 9 năm 2020 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 321C, Khóm H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T, sinh năm 1977; trú tại: phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 9 năm 2020 (có mặt).

- Ông Lê Thanh H, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 18, đường Trần Hưng Đ, Khóm M, Phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 111/LB, ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Cao Minh T trình bày:

Ngày 24/5/2016 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T (Công ty T) – người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đình T thỏa thuận chuyển nhượng cho ông L hai thửa đất 168 và 169 cùng tờ bản đồ số 35, giá chuyển nhượng là 650.000.000 đồng. Ông L đã trả trước 100.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 24/5/2016 trả 50.000.000 đồng; Ngày 07/6/2016 trả 10.000.000 đồng; Ngày 23/6/2016 trả 20.000.000 đồng, lần cuối cùng là 20.000.000 đồng. Theo biên nhận tiền ngày 24/5/2016 anh T đại diện Công ty T thỏa thuận chuyển nhượng QSD đất thửa 168, 169 cùng tờ bản đồ 35 nhưng anh T không có giao 02 giấy chứng nhận QSD đất này, sau đó Công ty T đã chuyển nhượng hai thửa đất trên cho người khác nhưng không trả tiền cho ông L. Do đó, giữa ông L và ông T đại diện cho Công ty T thỏa thuận miệng số tiền ông L đã giao cho ông T nhận là tiền vay.

Đến ngày 26/10/2016 thì ông L có cho Công ty T vay số tiền 600.000.000 đồng và Công ty T có thể chấp các thửa đất số 145, 146 và 241 cùng tờ bản đồ số 35, ông L đã giao cho ông T nhận 600.000.000 đồng và ông T giao 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 145, 146 và 241 cùng tờ bản đồ số 35 cho ông L giữ. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 02%/ tháng nhưng không ghi trong biên nhận và không có thỏa thuận thời hạn. Sau đó (không nhớ rõ thời gian) ông T mượn lại 02 giấy chứng nhận QSD thửa 145, 146 cùng tờ bản đồ số 35 chuyển nhượng cho người khác để trả tiền cho ông L, còn thửa 241, tờ bản đồ 35 thì ông L giao lại cho ông T và ông T có đổi giấy chứng nhận thửa 182 (thay đổi thửa mới 289 ngày 15/8/2016), tờ bản đồ 35 cho ông L giữ. Như vậy ông L chỉ giữ 01 giấy chứng nhận QSD thửa 182 (thay đổi thửa mới 289 ngày 15/8/2016), tờ bản đồ 35 của Công ty T. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi lần 2 ngày 08 tháng 5 năm 2017 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Nguyễn Đình K. Từ khi vay đến nay Công ty T không có trả lãi cho ông L.

Nay ông L yêu cầu Công ty T- người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đình K trả cho ông L các khoản tiền như sau:

- Tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 23/6/2016 (ngày nhận lần sau cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

- Tiền vốn vay 600.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 26/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Tại phiên tòa anh Cao Minh T xác định yêu cầu ông Nguyễn Đình T trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, yêu cầu Công ty T và ông Nguyễn Đình T liên đới trả số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng và tiền lãi tính từ khi vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm hôm nay theo mức lãi suất 0,83%/ tháng. Cụ thể số tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 23/6/2016 đến ngày 10/11/2020 là 52 tháng 17 ngày và số tiền 600.000.000 đồng tính từ ngày 26/10/2016 đến ngày 10/11/2020 là 48 tháng 14 ngày, tổng số tiền lãi là 285.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 985.000.000 đồng.

Ông L tự nguyện trả lại 01 giấy chứng nhận QSD thửa 182 (thay đổi thửa mới 289 ngày 15/8/2016), tờ bản đồ 35 cho Công ty T.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn T trình bày:

Ông Kiệt xác định ông Nguyễn Đình T là đại diện theo pháp luật của Công ty T trước đây có hợp đồng với ông Nguyễn Phước L chuyển nhượng đất và vay tiền. Cụ thể tiền chuyển nhượng đất là 50.000.000 đồng (Biên nhận ngày 24/5/2016). Khi chuyển nhượng theo biên nhận ngày 24/5/2016 ghi nền nhà lô C3 số 5,6, tờ bản đồ 35 không có ghi số thửa. Tuy nhiên 02 nền trên thuộc thửa 168, 169 cùng tờ bản đồ số 35 nhưng Công ty T không có chuyển nhượng và giao giấy chứng nhận QSD đất thửa 168, 169 cùng tờ bản đồ số 35 cho ông L vì 02 thửa đất này Công ty T đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Xuân Chung. Thực tế Công ty T chuyển nhượng cho ông L thửa 309, 310 cùng tờ bản đồ 35, sau khi nhận tiền của ông L, ông Nguyễn Đình T đại diện cho Công ty T có làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với ông L ngày 30/9/2016 được Phòng Công chứng số 02 tỉnh Đồng Tháp chứng thực nhưng Công ty T không thực hiện giao 02 thửa đất trên cho ông L mà chỉ giao giấy chứng nhận QSD đất thửa 309, 310 cùng tờ bản đồ 35 cho ông L giữ.

Đối với số tiền vay 650.000.000 đồng (Biên nhận ngày 07/6/2016 là 10.000.000 đồng; ngày 25/6/2016 là 20.000.000 đồng, biên nhận không ghi ngày là 20.000.000 đồng; biên nhận ngày 26/10/2016 là 600.000.000 đồng) thì khi vay không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Từ khi vay đến nay Công ty không có đóng lãi cho ông L. Khi vay có thể chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T đứng tên thuộc các thửa số 145, 146 và 241 cùng tờ bản đồ số 35 cho ông L giữ nhưng sau đó (không nhớ rõ thời gian) Công ty T có thỏa thuận với ông L là ông giao lại giấy chứng nhận QSD đất thửa 145, 146, 241 cùng tờ bản đồ số 35 để Công ty T chuyển nhượng cho người khác và Công ty T giao lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 cho ông L giữ.

Ông L có nói chuyện qua điện thoại với ông T trình bày: 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 ông Lê Thanh H (hiện là Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh S) đã trả 700.000.000 đồng cho ông L và ông L đã giao 05 giấy chứng nhận QSD đất trên cho ông H giữ (có băng ghi âm làm chứng cứ đã nộp cho Tòa án).

Ông Nguyễn Đình K là người đại diện theo pháp luật của Công ty T đồng ý Công ty chịu trách nhiệm trả cho ông L tiền chuyển nhượng đất là 50.000.000 đồng và tiền vay 650.000.000 đồng, tổng cộng 700.000.000 đồng, và đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông L. Công ty yêu cầu ông L, ông H trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T, vì Công ty đã giao cho ông L giữ khi vay tiền và chuyển nhượng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Văn T trình bày: Công ty T thừa nhận có vay của ông L số tiền 650.000.000 đồng vào thời gian như ông L trình bày. Khi vay không thỏa thuận lãi suất và không xác định thời hạn. Tuy nhiên, số tiền trên ông Lê Thanh H đã trả thay cho Công ty T. Vì vậy, không đồng ý trả số tiền 650.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L. Đồng thời cũng không đồng ý trả lãi đối với số tiền trên vì việc vay tiền không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn, nên Công ty không vi phạm thời hạn trả nợ.

Công ty T rút lại không yêu cầu ông L và ông H trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T, vì các thửa đất trên đã chuyển nhượng cho người khác đứng tên.

Đối với giấy chứng nhận QSD thửa 182 (thay đổi thửa mới 289 ngày 15/8/2016), tờ bản đồ 35 của Công ty T ông L giữ không liên quan đến giao dịch giữa các bên, đồng thời trước đây giấy chứng nhận QSD đất này đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S nên ông trình bày đã giữ là không có cơ sở. Công ty T không yêu cầu ông L trả lại giấy chứng nhận QSD đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Thanh H trình bày: Ông H không có giữ giấy chứng nhận QSD đất các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 như ông Kiệt trình bày. Vì vậy ông H không đồng ý yêu cầu của Công ty TNHH MTV T và xác định yêu cầu trên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông H xác định không có trả cho ông L số tiền 700.000.000 đồng thay cho Công ty T như đại diện Công ty T trình bày.

Ông Nguyễn Đình T- người đại diện theo ủy quyền ông Dương Văn T trình bày: Ông Nguyễn Đình T thừa nhận có vay của ông L 50.000.000 đồng vào thời gian như ông L trình bày. Khi vay không thỏa thuận lãi suất và không xác định thời hạn. Tuy nhiên, số tiền trên ông Lê Thanh H đã trả thay cho ông Nguyễn Đình T. Vì vậy, không đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng theo yêu cầu của ông L. Đồng thời cũng không đồng ý trả lãi đối với số tiền trên vì việc vay tiền không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn, nên ông T không vi phạm thời hạn trả nợ.

Anh Nguyễn Minh T trình bày: Ngày 03/5/2018 Công ty T do ông Nguyễn Đình K làm đại diện có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh

đối với thửa đất số 360 và 361 cùng tờ bản đồ số 35, địa chỉ các thửa đất tại Khóm H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng Bùi Công Lược. Hợp đồng chuyển nhượng đã thực hiện xong anh đã giao đủ tiền chuyển nhượng cho Công ty T và Công ty T đã giao đất cho anh sử dụng, đồng thời anh cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên ngày vào 22/5/2018.

Anh Tiến xác định nhận chuyển nhượng đất của Công ty T hợp pháp. Vì vậy Công ty yêu cầu ông L, ông H trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T (trong đó có 02 giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 360 và 361 cùng tờ bản đồ số 35) do anh đứng tên thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Anh Tiến không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Phước L.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T liên đới trả cho ông Nguyễn Phước L số tiền vốn vay 650.000.000 đồng và số tiền lãi 119.589.166 đồng, tổng cộng 769.589.166 đồng (*bảy trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Buộc ông Nguyễn Đình T trả cho ông Nguyễn Phước L vốn vay 50.000.000 đồng và lãi 9.199.166 đồng, tổng cộng 59.199.166 đồng (*năm mươi chín triệu một trăm chín mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Phước L yêu cầu Công ty T và ông Nguyễn Đình T trả số tiền lãi là 156.211.600 đồng (*một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm mười một ngàn sáu trăm đồng*).

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước L trả lại giấy chứng nhận QSD thửa 182 (thay đổi thửa mới 289 ngày 15/8/2016), tờ bản đồ 35 cho Công ty T.

Đình chỉ yêu cầu của Công ty T về việc yêu cầu ông L và ông H trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2020, ông Nguyễn Phước L là nguyên đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V. Ông Nguyễn Phước L yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền lãi 156.211.600 đồng của hai khoản tiền vay và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử phúc thẩm và lãi chậm trả cho đến khi trả xong nợ.

Ngày 11/12/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K là bị đơn và ông Nguyễn Đình T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V do thu thập

chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ không phù hợp với các chứng cứ khác, chưa đánh giá toàn diện các chứng cứ trong vụ án.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, ông Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Phước L do giai đoạn phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Nguyễn Phước L yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T phải trả số tiền lãi 156.211.600 đồng của hai khoản tiền vay và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử phúc thẩm và lãi chậm trả cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy ông L không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc các bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Bị đơn không thừa nhận có thỏa thuận lãi suất và thời hạn. Vì vậy, xác định hợp đồng vay giữa ông L với Công ty T và ông Nguyễn Đình T là hợp đồng vay không có lãi và không xác định thời hạn.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “ 1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” Do đó, việc ông L không chứng minh được thời điểm đòi nợ đối với Công ty T và ông Nguyễn Đình T trong suốt thời gian dài nhưng ông L yêu cầu Công ty T và ông Nguyễn Đình T trả lãi từ ngày vay là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử số tiền vay Công ty T và ông Nguyễn Đình T vay của ông L được tính lãi từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông L đối với số tiền lãi 156.211.600 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước L. Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T có vay tiền của Lộc và hiện còn nợ số tiền vốn vay là 650.000.000 đồng; ông Nguyễn Đình T có vay tiền của Lộc và hiện còn nợ số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng như ông L trình bày. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T cho rằng số tiền vay nêu trên ông H đã trả cho ông L thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình

T. Tuy nhiên, ông L và ông H đều không thừa nhận có việc ông H trả nợ thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T đồng thời Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa ông H với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T. Mặt khác, tại Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S ngày 02/10/2018 ông T và ông Kiệt đã thừa nhận chưa trả số tiền 700.000.000 đồng cho ông L.

[3]. Đối với nội dung kháng cáo trách nhiệm liên đới: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Đăng ký thay đổi lần 2, ngày 08/5/2017) đã xác định ông Nguyễn Đình T là chủ sở hữu, ông Nguyễn Đình K là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc liên đới trả cho ông L là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo phần này của ông Kiệt và ông T.

[4]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Phước L. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T liên đới trả cho ông Nguyễn Phước L số tiền vốn vay 650.000.000 đồng và số tiền lãi 119.589.166 đồng, tổng cộng 769.589.166 đồng. Buộc ông Nguyễn Đình T trả cho ông Nguyễn Phước L vốn vay 50.000.000 đồng và lãi 9.199.166 đồng, tổng cộng 59.199.166 đồng là có căn cứ, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước L, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên ông Nguyễn Phước L, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước L, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T và ông Nguyễn Đình T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 10/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước L.
- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T liên đới trả cho ông Nguyễn Phước L số tiền vốn vay 650.000.000 đồng và số tiền lãi 119.589.166 đồng, tổng cộng 769.589.166 đồng (*bảy trăm sáu mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).
- Buộc ông Nguyễn Đình T trả cho ông Nguyễn Phước L vốn vay 50.000.000 đồng và lãi 9.199.166 đồng, tổng cộng 59.199.166 đồng (*năm mươi chín triệu một trăm chín mươi chín ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).
- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước L yêu cầu Công ty T và ông Nguyễn Đình T trả số tiền lãi là 156.211.600 đồng (*một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm mười một ngàn sáu trăm đồng*).
- Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Phước L trả lại giấy chứng nhận QSD thửa 182 (thay đổi thửa mới 289 ngày 15/8/2016), tờ bản đồ 35 cho Công ty T.
- Đình chỉ yêu cầu của Công ty T về việc yêu cầu ông L và ông H trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa 309, 310, 314, 360, 361 cùng tờ bản đồ số 35 cho Công ty T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T- người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T liên đới phải nộp 34.783.500 đồng (*ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đình T phải nộp 2.960.000 đồng (*hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phước L phải nộp 7.810.500 đồng (*bảy triệu tám trăm mười ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 19.057.500 đồng theo biên lai số 0002658, ngày 05/01/2019 và 5.986.500 đồng theo biên lai số 0001815, ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, sau khi khấu trừ tiền án phí ông Nguyễn Phước L được hoàn trả 17.233.500 đồng (*mười bảy triệu hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông L nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Phước L, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình K và ông Nguyễn Đình T mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo các biên lai thu số 0010587 ngày 25/11/2020, 0010574 và 0010575 cùng ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Lê Hồng Nước**